TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẬP THẠCH** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 12/2019/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 5 năm 2019
"V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Ông Khương Trung Thành

- Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Quốc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Diệp Thị Thanh Tâm – Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đào Ngọc T, sinh năm 1977

Nơi cư trú: thôn VH, xã Vân Trục, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, có mặt.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1978

Nơi cư trú: thôn VH, xã Vân Trục, huyện Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 22/3/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là anh Đào Ngọc T trình bày:

Anh kết hôn với chị H ngày 13/7/2000, trước khi cưới được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND Vân Trục. Sau khi kết hôn, chị H về chung sống và làm ăn cùng gia đình anh được khoảng 01 năm thì gia đình làm nhà cho vợ chồng ra ở riêng. Đến năm 2014 vợ chồng xây nhà trên đất của bố mẹ anh. Tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị H có quan hệ bất chính với người khác, ban đầu anh cũng bỏ qua nhưng sau đó chị H

lại có quan hệ bất chính với cháu ruột anh và vợ chồng xảy ra sô sát. Sau khi vợ chồng xảy ra sô sát thì chị H và cháu anh bỏ đi từ tháng 3/2018 đến tháng 2/2019 mới về. Nay anh xác định vợ chồng không còn tình cảm, nên xin được ly hôn chị H.

Con chung: Anh và chị H có hai con chung là Đào Thị Kim Lê, sinh ngày 10/9/2001 và Đào Anh Tuấn, sinh ngày 04/10/2002, hiện đang ở với anh. Ly hôn, anh xin nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị H vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong biên bản lấy lời khai ngày 16/4/2019, chị H trình bày:

Chị cũng xác định về điều kiện kết hôn, thời gian kết hôn, quá trình vợ chồng chung sống như anh T trình bày là đúng. Quá trình vợ chồng chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, việc anh T trình bày là chị bỏ đi là không đúng mà do chị đi làm ăn nhưng không nói cho anh T biết. Nay anh T xin ly hôn, chị không nhất trí, chị xin đoàn tụ.

Con chung: Chị xác định như anh T trình bày là đúng. Ly hôn, chị xin nuôi cả hai con và việc cấp dưỡng nuôi con chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị không có ý kiến đề nghị gì.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Nguyễn Thị H là bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh T được ly hôn chị H; giao cho anh T và chị H mỗi người nuôi một con chung; tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ do anh T và chị H không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của anh Đào Ngọc T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình "Xin ly hôn, nuôi con chung". Bị đơn là chị Nguyễn Thị H có địa chỉ tại xã Vân Trục, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tiến hành triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị H nhiều lần nhưng chị H không đến tòa. Tòa án đã tiến hành triệu tập chị Hanh, thông báo và niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng chị Hanh vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án quyết định xét xử vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa anh Đào Ngọc T và chị Nguyễn Thị H là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T cho rằng chị H có quan hệ bất chính nên từ đo vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nay anh T xin xin ly hôn còn chị H xin đoàn tụ.

Xét đề nghị của anh T và chị H thấy rằng: Tình cảm vợ chồng giữa anh T và chị H không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc xin đoàn tụ của chị H là không thực tâm, chỉ nhằm mục đích kéo dài cuộc hôn nhân không có H phúc, bởi lẽ trong suốt quá trình vợ chồng mâu thuẫn, anh T đã hai lần làm đơn xin ly hôn và trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù chị H có mặt tại địa phương xã Vân Trục nhưng cố tình không đến tòa làm việc và cũng không có biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, nên đề nghị của chị H là không có căn cứ chấp nhận. Do vậy, đề nghị của anh T xin ly hôn chị H là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên được xem xét chấp nhận.

[3] Xét đề nghị về việc giao nuôi con chung của anh T và chị H thấy rằng: Về quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm nuôi con chung của anh T và chị H đều như nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do vậy cần căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cho chị H và anh T mỗi người nuôi một cháu và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Anh T và chị H không đề ghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Đào Ngọc T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Luật thi hành án dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Cho anh Đào Ngọc T được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Giao cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Anh Tuấn, sinh ngày 04/10/2002; chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đào Thị Kim Lê, sinh ngày 10/9/2001. Sau khi ly hôn, anh T và chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Tài sản chung, tài sản riêng, công sức, công nợ: Anh T và chị H cùng không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Anh Đào Ngọc T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số: 0000038 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Anh T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà

Trần Hữu Lực

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lập Thạch
- THA Lập Thạch.
- UBND xã Vân Trục
- Các đương sự
- Lưu hai bản.